TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2025/DS-ST.
Ngày: 05-5-2025.
V/v: "Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nguyên**.
Các Hội thẩm nhân dân:
+ Bà **Phạm Thị Thu Vân**.
+ Ông **Đường Thanh Chánh**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Trường Thịnh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Ngày 05 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2025/TLST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2025 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2025/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 57/2025/QĐST-DS ngày 14/4/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Văn Út N** - Sinh năm: 1982, địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre - Đại diện hộ kinh doanh Nguyễn Văn Út N.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Phan Văn D** - Sinh năm: 1989, địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (hợp đồng ủy quyền ngày 21/8/2024, vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà **Trương Thị H** - Sinh năm: 1984; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Nguyễn Văn S** - Sinh năm: 1979; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản khai, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Từ năm 2019, nguyên đơn và bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có thỏa thuận miệng là nguyên đơn sẽ giao thức ăn chăn nuôi vịt, con giống cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Theo thỏa thuận thì bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan sẽ thanh toán tiền theo từng đợt khi bán vịt (thông thường là từ 45 đến 50 ngày). Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thanh toán đủ tiền như đã thỏa thuận. Tháng 3 năm 2024, nguyên đơn, bị đơn tổng kết nợ thì bị đơn còn nợ lại nguyên đơn số tiền là 501.795.000VNĐ (năm trăm lẻ một triệu bảy trăm chín mươi lăm ngàn đồng) và bị đơn có ký tên xác nhận nợ.

Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có nghĩa vụ liên đới trả số tiền là 501.795.000VNĐ (năm trăm lẻ một triệu bảy trăm chín mươi lăm ngàn đồng), không yêu cầu bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả tiền lãi.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về các nội dung có liên quan đến vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Ông N có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản đối với bà H, ông S có địa chỉ tại ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết vụ án theo quy định tại các điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bà H, ông S được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng vắng mặt tại phiên hòa giải ngày 10/02/2025, đồng thời ông D (người đại diện theo ủy quyền của ông N) có đơn đề nghị không hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ông D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà H, ông S vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông D, bà H, ông S theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Ông N, người đại diện theo ủy quyền của ông N trình bày là bà H, ông S còn nợ của ông N tiền mua thức ăn chăn nuôi vịt, con giống là 501.795.000VNĐ

(năm trăm lẻ một triệu bảy trăm chín mươi lăm ngàn đồng), bà H có ký tên xác nhận nợ. Bà H, ông S vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về các nội dung có liên quan đến vụ việc, Tòa án đã tống đạt theo quy định của pháp luật đối với Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, thông báo giao nộp chứng cứ nhưng bà H, ông S không có ý kiến phản đối đối với lời trình bày, yêu cầu, tài liệu, chứng cứ mà ông N cung cấp nên có cơ sở để xác được bà H, ông S còn nợ ông N số tiền là 501.795.000VNĐ (năm trăm lẻ một triệu bảy trăm chín mươi lăm ngàn đồng).

[3.2] Bà H, ông S không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh là có trả được khoản tiền nào cho ông N theo thông báo giao nộp chứng cứ của Tòa án, ông N xác định sau khi chốt nợ thì bà H, ông S không có trả khoản tiền nào cho ông nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N.

[3.3] Về tiền lãi: Ông N không yêu cầu bà H, ông S phải trả tiền lãi nên ghi nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của ông N được chấp nhận nên ông N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà H, ông S phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền phải trả cho ông N; cụ thể được tính như sau: 20.000.000VNĐ + (4% x 101.795.000VNĐ) = 24.072.000VNĐ (hai mươi bốn triệu không trăm bảy mươi hai ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 288, 357, 440, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các điều 5, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cụ thể:

1/ Buộc bà Trương Thị H và ông Nguyễn Văn S có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn Út N - Đại diện hộ kinh doanh Nguyễn Văn Út N số nợ gốc là 501.795.000VNĐ (năm trăm lẻ một triệu bảy trăm chín mươi lăm ngàn đồng), ghi nhận việc ông Nguyễn Văn Út N - Đại diện hộ kinh doanh Nguyễn Văn Út N không yêu cầu trả tiền lãi.

2/ Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1) Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn Út N - Đại diện hộ kinh doanh Nguyễn Văn Út N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 12.036.000VNĐ (mười hai triệu không trăm ba mươi sáu ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006708 ngày 09/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

3.2) Buộc bà Trương Thị H và ông Nguyễn Văn S có nghĩa vụ liên đới nộp 24.072.000VNĐ (hai mươi bốn triệu không trăm bảy mươi hai ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4/ Về quyền kháng cáo đối với bản án: Ông Nguyễn Văn Út N, bà Trương Thị H, ông Nguyễn Văn S có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

5/ Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện Mỏ Cày Bắc;
- Phòng KTNV và T.H.A-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Văn Nguyên